

Bản án số: 161/2020/HSST

Ngày: 24/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Ngô Anh Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1156/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn Đ, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã X, huyện Y, tỉnh X; chỗ ở hiện nay: 123 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z; nghề nghiệp: Bán tổ yến; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T (chết) và bà Đoàn Thị Tr; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 14/11/2018, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 428/2018/HSST; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/5/2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

2. Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07 tháng 4 năm 1991, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 124 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Phụ bán quần áo; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vô danh và bà Hoàng Thị Thu T; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/10/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án

số 290/2012/HSST; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/5/2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Nhật Thiên H, sinh năm: 1963; chỗ ở hiện nay: 123 khu phố X, phường Y, thành phố Z, tỉnh T. (vắng mặt)

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 2000. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn Đ và Hoàng Ngọc T là bạn quen biết nhau, khoảng 05 giờ 20 phút ngày 20/5/2020, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60V5-6409 đến nơi ở của Đ tại phòng 205, lầu 3, nhà số 212B/D53 đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 để đưa tiền mà Đ hỏi mượn T trước đó. Sau đó, Đ đón Nguyễn Thị Th là bạn gái Đ đến phòng chơi. Tại đây, Đ gợi ý T mua ma túy về sử dụng và T đồng ý. T liên lạc cho đối tượng tên Dương không rõ nhân thân lai lịch mua 2.800.000 đồng ma túy loại Ketamine. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến vòng xoay Công Quỳnh, Quận 1 gặp Dương lấy ma túy rồi quay trở lại phòng đưa cho Đ chia ra để cả hai sử dụng. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, tổ kiểm tra Công an Quận 1 tiến hành kiểm tra hành chính phòng 205 thì phát hiện trên giường có 01 đĩa sứ màu trắng, bên trên đĩa có 01 thẻ ngân hàng ACB, 01 ống hút màu trắng sọc đen và chất bột màu trắng; trên mặt bàn trang điểm có 01 túi nylon chứa chất bột màu trắng, Đ và T khai là ma túy; trong hộp tủ nhỏ thứ hai từ phải qua trái của bàn trang điểm có 01 bao thuốc lá hiệu Jet, bên trong có miếng khăn giấy có 01 túi nylon chứa 02 viên nén màu hồng và tinh thể không màu Đ khai là ma túy. Ngoài ra, tổ kiểm tra còn thu giữ của Đ 01 túi xách màu đen, bên trong có 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại và 02 bình xịt hơi cay. Thời điểm kiểm tra, trong phòng có Đ, T và Th nên tiến hành thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại cơ quan điều tra T khai nhận số ma túy thu giữ trên đĩa sứ màu trắng trên giường và ma túy trong gói nylon trên bàn trang điểm là ma túy của T. Đ khai số ma túy thu giữ trong gói thuốc Jet là ma túy của Đ mua của đối tượng tên Tuyền không rõ nhân thân lai lịch để sử dụng. Lời khai của T và Đ phù hợp với nhau phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được.

Theo bản kết luận giám định số: 852/KLGD-H ngày 27/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 03 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Đoàn Văn Đ, Hoàng Ngọc T và hình dấu Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, bên trong có:

- Gói 1: Bột màu trắng trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6395 gam, loại Ketamin.

- Gói 2: Bột màu trắng trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6163 gam, loại Ketamine.

- Gói 3: 01 vỏ bao thuốc lá hiệu JET chứa 01 gói giấy chứa 01 gói nylon chứa:
+ 02 viên nén màu hồng là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,6944 gam, loại MDMA.

+ Tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9609 gam, loại Ketamine.

Bản cáo trạng số: 170/CT-VKS ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Đoàn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và bị cáo Hoàng Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, các bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do các bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm i khoản 1 khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù; căn cứ điểm g khoản 1 khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù; phạt tiền mỗi bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 1) chứa chất ma túy bên trong có 0,6395 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine; 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 2) chứa chất ma túy bên trong có 0,6163 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine; 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 3) chứa chất ma túy bên trong có 0,6944 gam ma túy ở thể rắn, loại MDMA và 1,9609 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định); 01 đĩa sứ; 01 đoạn ống hút; 01 thẻ nhựa; 01 khẩu súng ngắn màu đen bằng kim loại; 01

hộp tiếp đạn bị thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm; 02 bình xịt dạng hình trụ tròn in chữ “TAKE DOWN” chứa chất lỏng; 01 đèn quay nhiều màu.

- Trả lại bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353910106229845 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 357754106087837, số Imei 2: 357754106087835.

- Trả lại bị cáo Đ 01 máy tính xách tay màu hồng; 01 đồng hồ đeo tay màu đen; 01 vali màu đen; 01 túi xách màu đen nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 356356084970892.

- 01 xe mô tô hiệu Hondastream, biển kiểm soát 60V5-6409, số máy: WH152QMI-206E00893, số khung: LW8TC120761011478 cần tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, tờ tự khai, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định,... nên có căn cứ để kết luận bị cáo Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng 0,6944 gam ma túy ở thể rắn, loại MDMA và 1,9609 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine; bị cáo T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng 1,2558 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249; bị cáo T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Các bị cáo đủ nhận thức để biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn động cơ cá nhân nên bất chấp xem thường pháp luật cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên cần có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người rủ rê, đề xuất với bị cáo T đi mua ma túy về sử dụng. Ngoài ra, bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo T vì muốn thỏa mãn với động cơ cá nhân nên khi nghe bị cáo Đ nói đi mua ma túy về sử dụng thì đồng ý ngay và là người trực tiếp đi mua ma túy và tích cực tham gia vào việc phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng tiếp tục phạm tội nên phải chịu mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi của các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với hành vi cất giữ 01 khẩu súng ngắn màu đen và 02 bình xịt hơi cay thu giữ của bị cáo Đ. Theo bản kết luận giám định số 1381/KLGD-H ngày

23/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 khẩu súng ngắn màu đen bằng kim loại thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm; 02 bình xịt hơi cay là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ. Quá trình điều tra xác minh bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự về các tội sản xuất, kinh doanh, thương mại và tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không truy cứu trách nhiệm hình sự mà xử lý hành chính đối với bị cáo Đ là có cơ sở.

[8] Đối với Nguyễn Thị Th, quá trình điều tra có căn cứ xác định Th không liên quan đến hành vi mua và sử dụng ma túy của bị cáo Đ, bị cáo T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Th là có cơ sở.

[9] Đối với đối tượng tên Ta và tên D bán ma túy cho bị cáo Đ, bị cáo T quá trình điều tra chưa truy tìm, xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh làm rõ có cơ sở xử lý sau.

[10] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 1) chứa chất ma túy bên trong có 0,6395 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine; 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 2) chứa chất ma túy bên trong có 0,6163 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine; 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 3) chứa chất ma túy bên trong có 0,6944 gam ma túy ở thể rắn, loại MDMA và 1,9609 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định); 01 đĩa sù; 01 đoạn ống hút; 01 thẻ nhựa là vật chứng của vụ án cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 khẩu súng ngắn màu đen bằng kim loại; 01 hộp tiếp đạn bi; 02 bình xịt dạng hình trụ tròn in chữ “TAKE DOWN” chứa chất lỏng thu giữ của bị cáo Đ thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm, nhóm công cụ hỗ trợ nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 đèn quay nhiều màu thu giữ của bị cáo Đ. Tại phiên tòa bị cáo Đ không muốn nhận lại và xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353910106229845 thu giữ của bị cáo Đ. Bị cáo Đ khai điện thoại để sử dụng liên lạc với gia đình, người thân. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho bị cáo Đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 357754106087837, số Imei 2: 357754106087835 thu giữ của bị cáo Đ. Bị cáo Đ khai điện thoại của bị

cáo sử dụng liên lạc với đối tượng tên Tuyển để mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 máy tính xách tay màu hồng; 01 đồng hồ đeo tay màu đen; 01 vali màu đen; 01 túi xách màu đen thu giữ của bị cáo Đ. Bị cáo Đ khai là tài sản của bị cáo. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho bị cáo Đ, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 356356084970892 thu giữ của bị cáo T. Bị cáo T khai điện thoại sử dụng liên lạc với đối tượng tên Dương để mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Hondastream, biển kiểm soát 60V5-6409, số máy: WH152QMI-206E00893, số khung: LW8TC120761011478. Qua xác minh xe do bà Lê Nhật Thiên H, sinh năm: 1963, trú tại 77/36 khu phố 4, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đứng tên đăng ký xe. Bà H khai vào năm 2016, bà đã bán xe trên cho người tên Hoàng không rõ nhân thân, lai lịch, không làm giấy tờ mua bán. Bị cáo T khai nhận vào năm 2019, bị cáo mua xe trên của người tên L không rõ nhân thân, lai lịch, khi mua không làm giấy tờ mua bán xe và bị cáo đã làm mất giấy đăng ký xe. Do đó, cần tiếp tục giao xe trên cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: Tuyên bố: Đoàn Văn Đ, Hoàng Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2020.

Buộc bị cáo Đoàn Văn Đ phải nộp phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2020.

Buộc bị cáo Hoàng Ngọc T phải nộp phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Việc bị cáo Đoàn Văn Đ, bị cáo Hoàng Ngọc T nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 1); 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 2); 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 (gói 3) chứa chất ma túy.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 152/20-PNK ngày 08/8/2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khẩu súng màu đen bằng kim loại; 01 (một) hộp tiếp đạn màu đen bằng kim loại; 02 (hai) bình xịt hình trụ tròn in chữ “TAKE DOWN” chứa chất lỏng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 116/20-PNK ngày 09/10/2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) đoạn ống hút sọc trắng đen; 01 (một) thẻ nhựa ACB; 01 (một) đèn quay nhiều màu.

Trả lại bị cáo Đoàn Văn Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353910106229845, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 357754106087837, số Imei 2: 357754106087835.

Trả lại bị cáo Đoàn Văn Đ 01 (một) máy tính xách tay màu hồng; 01 (một) đồng hồ đeo tay màu đen; 01 (một) vali màu đen; 01 (một) túi xách màu đen, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 356356084970892.

Giao 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 60V5-6409, số máy: WH152QMI-206E00893, số khung: LW8TC120761011478 cho cơ quan Thi hành án có thẩm

quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 111/20-PNK ngày 07/8/2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Đoàn Văn Đ, bị cáo Hoàng Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Đoàn Văn Đ, bị cáo Hoàng Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn